TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02/8/2019
V/v: Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ
2/ Ông Nguyễn Xuân Trường
Thư ký phiên toà: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Ong Văn Chúc: Kiểm sát viên.
Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.
Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXX- ST ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị Kim Đ,** sinh năm 1969- có mặt.
- *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn M,** sinh năm 1968- có mặt.
Đều địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện H,tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn (chị Nguyễn Thị Kim Đ) trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn có được tự do, tự nguyện tìm hiểu, thỏa thuận, hai gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương vào ngày 18/10/1988 nhưng chị và anh M không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ theo quy định pháp luật. Từ đó đến nay chị và anh M cũng không ra UBND xã để làm thủ tục đăng ký kết hôn lần nào. Sau khi tổ chức đám cưới, chị về nhà anh M làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình được một thời gian thì vợ chồng ra ở giêng. Tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M bình thường, hạnh phúc được một thời gian dài, đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm về chuyện gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh M đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không bên nào quan tâm đến bên nào. Nay chị xác định

tình cảm vợ chồng với anh M không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Bị đơn (anh Nguyễn Văn M) trình bày: Anh và chị Đ kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức đám cưới vào ngày 18/10/1988 nhưng anh và chị Đ không ra UBND xã Đ làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn chị Đ về nhà anh làm dâu ngay và sống cùng gia đình được một thời gian thì vợ chồng ra ở giêng. Tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Đ bình thường, hạnh phúc được một thời gian dài, đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm về chuyện gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh và chị Đ đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Đ không còn, chị Đ có đơn xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Chị Đ và anh M đều xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thanh Xuân, sinh ngày 23/8/1995 và Nguyễn Thị Ngọc Mai, sinh ngày 20/12/1989 hiện nay cả hai con đều trưởng thành và có gia đình riêng, ly hôn các Đ sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị Đ và anh M đều xác định hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Kim Đ và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001221 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2019 của chị Nguyễn Thị Kim Đ đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị Kim Đ và anh Nguyễn Văn M có đủ điều kiện để kết hôn theo quy định của các Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, 2000 và năm 2014; được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương khi về chung sống với nhau và được cộng đồng dân cư nơi hai bên cư trú chứng kiến, xác nhận. Sau khi kết hôn chị Đ và anh M đã có thời gian dài chung sống hạnh phúc và đã có con chung. Song trước và sau khi chị Đ, anh M tổ chức lễ cưới từ năm 1988 cho đến nay hai bên đã không đến UBND xã nơi cư trú để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Qua trao đổi với địa phương xác nhận sau khi kiểm tra sổ đăng ký kết hôn của công dân xã Đlưu giữ tại UBND xã thì hiện tại UBND xã Đ không còn lưu giữ được sổ gốc đăng ký kết hôn của công dân xã Đ năm 1988 nên không xác định được chị Đ và anh M có đăng ký kết hôn tại UBND xã hay không.

Quá trình chị Đ và anh M sống chung từ năm 1988 đến tháng 11 năm 2018 thì đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do các bên bất đồng quan điểm về chuyện gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tại Tòa án và tại phiên tòa cả chị Đ và anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Như vậy, theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 19/6/2000 của Quốc Hội và hướng dẫn tại Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 thì quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Kim Đ và anh Nguyễn Văn M không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn anh M, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Kim Đ và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Chị Đ và anh M đều xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thanh Xuân, sinh ngày 23/8/1995 và Nguyễn Thị Ngọc Mai, sinh ngày 20/12/1989 hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng, ly hôn các Đ sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, vì vậy không xem xét giải quyết trong vụ án.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác:* Chị Đ và anh M đều xác định hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, xét thấy là hoàn toàn tự nguyện, vì vậy không xem xét giải quyết trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Kim Đ và anh Nguyễn Văn M là vợ chồng.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001221 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho Đ sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSNDHiệp Hoà*
- *THADS Hiệp Hoà;*
- *Các Đ sự;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn